

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02.../2019/QĐ-UBND

Thủ Dầu Một, ngày 03 tháng 11 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng
trên địa bàn thành phố Thủ Dầu Một**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Quyết định số 07/2019/QĐ-UBND ngày 05 tháng 04 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nội vụ thành phố tại Tờ trình số: 765./TTr-PNV ngày 11 tháng 11 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn thành phố Thủ Dầu Một.

Điều 2. Thường trực Hội đồng Thi đua – Khen thưởng thành phố (Phòng Nội vụ) chịu trách nhiệm triển khai, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này và định kỳ hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố kết quả thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thành phố, Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 ngày và được niêm yết công khai chậm nhất 03 ngày kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 07/2015/QĐ-UBND ngày 16/9/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn thành phố Thủ Dầu Một./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Công báo Bình Dương;
- CT, các PCT. UBND thành phố;
- Như Điều 3;
- Trang Thông tin điện tử TP;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Lộc Hà

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn thành phố Thủ Dầu Một
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 09./2019/QĐ-UBND
ngày 03.. tháng 12. năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Dầu Một)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định việc tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn thành phố Thủ Dầu Một, bao gồm: nguyên tắc thi đua, khen thưởng; hình thức, nội dung tổ chức các phong trào thi đua; đối tượng, tiêu chuẩn, cơ cấu, tỷ lệ xét danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng; thẩm quyền quyết định, đề nghị, xét duyệt các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; quỹ thi đua, khen thưởng; kiểm tra, xử lý vi phạm và giải quyết khiếu nại, tố cáo về công tác thi đua, khen thưởng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với công dân Việt Nam, cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, gia đình, người Việt Nam ở nước ngoài, người nước ngoài tham gia phong trào thi đua đạt thành tích tiêu biểu, xuất sắc hoặc có đóng góp cho sự nghiệp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh của thành phố Thủ Dầu Một.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cá nhân người lao động trực tiếp là người không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý, bao gồm: công nhân, nông dân, chiến sĩ lực lượng vũ trang, công chức, viên chức, nhân viên, người lao động.
2. Hiệp y khen thưởng là hình thức lấy thông tin của các cơ quan có liên quan để có thêm căn cứ trước khi quyết định khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

Điều 4. Nguyên tắc, căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng

1. Nguyên tắc, căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua:



a) Tự nguyện, công khai, đoàn kết, cùng phát triển.

b) Danh hiệu thi đua được xét dựa trên thành tích đạt được trong phong trào thi đua và tiêu chuẩn danh hiệu thi đua.

c) Đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động: việc xét tặng danh hiệu thi đua căn cứ nội dung đăng ký thi đua và thành tích đạt được của cá nhân.

2. Nguyên tắc, căn cứ xét khen thưởng:

a) Chính xác, công khai, công bằng, kịp thời.

b) Không tặng nhiều hình thức khen thưởng cho một thành tích đạt được.

c) Khen thưởng phải căn cứ vào điều kiện, tiêu chuẩn và thành tích đạt được; thành tích đạt được tiêu biểu ở cấp nào thì cấp đó khen thưởng, không nhất thiết phải có hình thức khen thưởng mức thấp mới được khen thưởng mức cao hơn. Chú trọng khen thưởng tập thể nhỏ và cá nhân là người trực tiếp lao động, sản xuất, học tập, công tác, chiến đấu, phục vụ chiến đấu, hộ gia đình, nhân dân. Đặc biệt quan tâm khen thưởng, động viên đối với các tập thể, cá nhân trong điều kiện thực hiện nhiệm vụ khó khăn nhưng năng động, sáng tạo, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thành tích có phạm vi ảnh hưởng rộng lớn.

d) Đối với tập thể, cá nhân, trong một năm không khen thưởng quá 02 hình thức khen của cùng một cấp, trừ khen thưởng đột xuất.

đ) Tập thể và người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương tham gia cụm, khối thi đua của thành phố, do cụm, khối thi đua bình xét, suy tôn và đề nghị khen thưởng thông qua hoạt động thi đua theo cụm, khối.

e) Khi xét khen thưởng thành tích đối với người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương phải xem xét đến thành tích của tập thể do người đó phụ trách, người đứng đầu tập thể chỉ được khen thưởng và đề nghị cấp trên khen thưởng khi tập thể do người đó phụ trách được đánh giá công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (trừ khen thưởng đột xuất, khen thưởng quá trình công hiến).

Chương II

TỔ CHỨC PHONG TRÀO THI ĐUA

ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN CÔNG NHẬN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 5. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tổ chức phong trào thi đua

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức phát động, chỉ đạo toàn diện phong trào thi đua và công tác khen thưởng trong phạm vi toàn thành phố.

2. Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể thành phố và Ủy ban nhân dân các phường: Chịu trách nhiệm phát động các phong trào thi đua, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát phong trào thi đua và công tác khen thưởng thuộc phạm vi quản lý; chủ trì, phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao; chủ động phát hiện tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc để khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

3. Đài Truyền thanh thành phố và phường có trách nhiệm tuyên truyền chủ trương, chính sách, pháp luật về thi đua, khen thưởng; phổ biến, nêu gương các điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt, những mô hình mới, cách làm hay để phổ biến, nhân rộng trong cộng đồng; phát hiện và đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc cổ vũ phong trào thi đua yêu nước, đồng thời đấu tranh, phê phán các hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Điều 6. Trách nhiệm của cơ quan làm công tác thi đua, khen thưởng

1. Trách nhiệm của Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thành phố (Phòng Nội vụ).

a) Căn cứ nội dung phát động phong trào thi đua trong toàn quốc của Thủ tướng Chính phủ, Chỉ thị, Nghị quyết của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân thành phố; nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm và giai đoạn của thành phố, giúp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thành phố tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố về chủ trương, nội dung, chương trình, kế hoạch, biện pháp thi đua nhằm hoàn thành tốt các chỉ tiêu, nhiệm vụ đề ra.

b) Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức phát động phong trào thi đua trong phạm vi toàn thành phố; thẩm định thành tích, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố khen thưởng hoặc tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố trình Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng theo quy định.

c) Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, các tổ chức chính trị - xã hội thành phố, các cơ quan thông tin đại chúng để phát hiện, tuyên truyền, nhân rộng các điển hình tiên tiến; theo dõi, hướng dẫn, tổ chức các phong trào thi đua, hoạt động cụm, khối thi đua và kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện đăng ký, ký kết giao ước thi đua của các cơ quan ban, ngành, đoàn thể thành phố và phường trên địa bàn thành phố.

d) Thực hiện công tác kiểm tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo về lĩnh vực thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm của cán bộ làm công tác thi đua, khen thưởng của các cơ quan ban, ngành, đoàn thể thành phố và phường:

Tham mưu lãnh đạo cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức phát động phong trào thi đua trong phạm vi cơ quan, đơn vị, địa phương và triển khai các phong trào thi đua do cấp trên phát động; tham mưu sơ kết, tổng kết phong trào thi đua; phát hiện, nhân rộng điển hình tiên tiến; đề xuất khen thưởng và các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác thi đua, khen thưởng.

Điều 7. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”

Danh hiệu "Tập thể lao động tiên tiến" được xét tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Hoàn thành tốt nhiệm vụ và kế hoạch được giao;
2. Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, có hiệu quả;
3. Có trên 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu "Lao động tiên tiến" và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;
4. Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Điều 8. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”

Danh hiệu "Lao động tiên tiến" được xét tặng cho cán bộ, công chức, công nhân, viên chức đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đạt năng suất và chất lượng cao;
2. Chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có tinh thần tự lực, tự cường; đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia các phong trào thi đua;
3. Tích cực học tập chính trị, văn hoá, chuyên môn, nghiệp vụ;
4. Có đạo đức, lối sống lành mạnh.
5. Đối với cá nhân là đảng viên phải được phân loại đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ.
6. Đối với cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn dưới 01 năm, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì thời gian học tập được tính vào thời gian công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị để được bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”. Trường hợp cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ 01 năm trở lên, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, có kết quả học tập từ loại khá trở lên thì được tính để xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”.
7. Thời gian nghỉ thai sản theo quy định được tính để bình xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

8. Đối với cá nhân chuyển công tác, cơ quan, tổ chức, đơn vị mới có trách nhiệm bình xét, tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” (trường hợp có thời gian công tác ở cơ quan cũ từ 06 tháng trở lên phải có ý kiến nhận xét của cơ quan cũ).

Trường hợp cá nhân được điều động, biệt phái đến cơ quan, tổ chức, đơn vị khác trong một thời gian nhất định thì việc bình xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” do cơ quan, tổ chức, đơn vị điều động, biệt phái xem xét quyết định và được cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận cá nhân được điều động, biệt phái xác nhận.

9. Không xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” đối với các cá nhân mới tuyển dụng dưới 10 tháng; bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên.

Điều 9. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở”

Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Đạt tiêu chuẩn danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

2. Có sáng kiến, giải pháp để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác được cơ sở công nhận hoặc có đề tài nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu được áp dụng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được đơn vị công nhận.

Điều 10. Danh hiệu “Phường đạt chuẩn văn minh đô thị”; “Gia đình văn hóa”; “Khu phố văn hóa” được thực hiện theo Quyết định số 22/2016/QĐ-UBND ngày 01/8/2016 của Ủy ban nhân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy chế công nhận các danh hiệu văn hóa, đạt chuẩn văn hóa, đạt chuẩn văn minh đô thị trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Công nhận đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” được thực hiện theo Thông tư số 23/2012/TT-BCA ngày 27/4/2012 của Bộ Công an và Hướng dẫn số 16/CAT-PV28 ngày 12/4/2013 của Giám đốc Công an tỉnh Bình Dương về việc thực hiện Thông tư số 23/2012/TT-BCA ngày 27/4/2012 của Bộ Công an quy định về khu dân cư, xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”.

Công nhận danh hiệu “Người công nhân kiêu mẫu”; gia đình “Cách mạng gương mẫu” và phường “Làm tốt công tác thương binh liệt sĩ” được thực hiện theo Chỉ thị số 07/CT-TBXH ngày 29/3/1978 của Bộ Thương binh và Xã hội; Công văn số 2615/UBND-VX ngày 06/9/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương và Công văn số 1398/SLĐTBXH-NCC ngày 29/9/2011 của Sở Lao động Thương binh Xã hội tỉnh Bình Dương về việc hướng dẫn thực hiện công văn số 2615/UBND-VX ngày 06/9/2011 của UBND tỉnh Bình Dương.

Chương III

HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG VÀ CƠ CẤU, TỶ LỆ XÉT THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 11. Giấy khen của Chủ tịch UBND thành phố

1. Khen thưởng đột xuất

a. Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố tặng thưởng cho tập thể, cá nhân lập được thành tích xuất sắc đột xuất trong lao động, sản xuất, chiến đấu, phục vụ chiến đấu, mưu trí, dũng cảm cứu người, cứu tài sản, gương người tốt, việc tốt.

b. Cá nhân đạt giải nhất cấp thành phố thành tích để xét khen thưởng phải cao hơn so với thành tích đạt được trước đó. Trường hợp đã được cấp tỉnh, bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương khen thưởng thì không đề nghị tặng Giấy khen.

c. Tập thể, cá nhân có đóng góp xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn thành phố Thủ Dầu Một.

d. Đơn vị, cá nhân, hộ gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có đóng góp bằng tiền, vật chất và công sức phục vụ chương trình, mục tiêu trọng điểm, các phong trào từ thiện xã hội do địa phương phát động có giá trị từ 150 triệu đồng trở lên đối với tập thể đơn vị và 50 triệu đồng trở lên đối với cá nhân (được tính cộng dồn đóng góp nhiều lần trong 01 năm).

2. Khen thưởng theo phong trào hoặc chuyên đề

a. Đối với những phong trào, chuyên đề có phạm vi rộng trong toàn thành phố (có văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân phố), khi tiến hành sơ kết, tổng kết, cơ quan, đơn vị chủ trì lựa chọn những tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu, xuất sắc đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét tặng Giấy khen, trong đó ưu tiên khen thưởng cho các tập thể nhỏ, cá nhân người lao động trực tiếp thực hiện chuyên đề.

b. Đối với những phong trào do cơ quan, đơn vị phát động từ 01 năm trở lên (có gửi kế hoạch phát động, sơ kết, tổng kết về cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thành phố), khi tổng kết phong trào, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương lựa chọn những tập thể, cá nhân tiêu biểu xuất sắc đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố tặng Giấy khen.

c. Các tập thể, cá nhân chỉ được tặng Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về thành tích thực hiện chuyên đề, phong trào thi đua nhưng không khen thưởng quá 02 hình thức khen của cùng một cấp

3. Khen thưởng công hiến

Tặng thưởng 01 lần cho cá nhân (cán bộ, công chức, viên chức, người lao động) có quá trình công tác từ 20 năm trở lên, hoàn thành tốt nhiệm vụ, không bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên, có quá trình tham gia đóng góp cho sự phát triển chung của thành phố.

4. Khen thưởng tổng kết năm công tác

a. Đối với cá nhân

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ, nghĩa vụ công dân; đối với CBCC, viên chức hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Có phẩm chất đạo đức tốt, đoàn kết, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- Tích cực học tập nâng cao trình độ chuyên môn.

b. Đối với tập thể

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ, nghĩa vụ đối với nhà nước.

- Nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở và tổ chức tốt các phong trào thi đua.

- Chấp hành tốt chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; thực hành tiết kiệm; chống lãng phí; chống tham nhũng; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với mọi thành viên trong tập thể.

Điều 12. Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường

Giấy khen Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường để tặng thưởng cho tập thể, cá nhân, hộ gia đình có thành tích đột xuất, dũng cảm cứu người, cứu tài sản; gương người tốt, việc tốt, có thành tích đạt được trong công tác, trong các đợt thi đua ngắn hạn, đợt thi đua theo chuyên đề; tập thể, cá nhân có nhiều đóng góp cho địa phương. Việc tặng thưởng Giấy khen được tiến hành thường xuyên, kịp thời ngay sau khi kết thúc đợt thi đua ngắn hạn, đợt thi đua theo chuyên đề hoặc hoàn thành một hạng mục công trình và do Chủ tịch UBND phường sẽ xem xét, quyết định.

2. Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường để tặng cho gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương; mức đóng góp do từng địa phương căn cứ thực tế để quy định cụ thể.

Điều 13. Tỷ lệ, cơ cấu xét danh hiệu thi đua, khen thưởng tổng kết công tác hàng năm

1. Tỷ lệ xét danh hiệu thi đua

a. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”: Không quy định tỷ lệ, tuy nhiên để tránh việc cào bằng trong xét khen thưởng, các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ kết quả hoàn thành nhiệm vụ và quỹ thi đua, khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương để xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động cho phù hợp.

b. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”: chọn không quá 80% trong tổng số tập thể cơ quan, ban, ngành, đoàn thể thành phố và Ủy ban nhân dân các phường.

c. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”: chọn không quá 15% trong tổng số cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

Riêng Văn phòng Thành ủy và Văn phòng HĐND – UBND thành phố (có Bí thư, Phó Bí thư, Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND, UBND tham gia công tác), khi xét danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” không tính chung vào tỉ lệ 15% của đơn vị.

2. Tỷ lệ xét khen thưởng

a. Đối với khen thưởng đột xuất: không tính tỷ lệ

b. Đối với khen thưởng phong trào và chuyên đề:

- Khen thưởng hàng năm: không quá 10 tập thể, 15 cá nhân.

- Khen thưởng giai đoạn (03 năm, 05 năm ...), kỷ niệm các năm chẵn: không quá 15 tập thể, 20 cá nhân. (Nếu vượt quá số lượng phải có ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo UBND phụ trách khối hoặc ý kiến của Đ/c Bí thư hoặc Phó Bí thư thành ủy phụ trách).

c. Khen thưởng tổng kết năm:

- Đối với cá nhân: không quá 35% cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

- Đối với tập thể: không quá 35% tập thể đạt danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”.

3. Khi tính tỷ lệ để xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng, nếu có số lẻ từ 0,5 trở lên thì được làm tròn thành 01 (một).

4. Cơ cấu xét tặng danh hiệu CSTĐ cơ sở

Nhằm thúc đẩy phong trào thi đua trong cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, việc xét khen thưởng tổng kết công tác hàng năm yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương đảm bảo cơ cấu hợp lý giữa các đối tượng, bình đẳng, dân chủ, công khai trong xét khen thưởng. Mọi cán bộ, công chức, viên chức và người lao động có thành tích trong công tác đều được xem xét khen thưởng. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và thành tích đạt được, phân định thành các nhóm xét khen thưởng, như sau:

a. Nhóm 1: Cán bộ, công chức giữ chức vụ quản lý (Trưởng, phó các phòng, ban và tương đương).

b. Nhóm 2: Cán bộ, công chức giữ chức vụ lãnh đạo các phường (Bí thư, phó Bí thư, Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND, UBND);

c. Nhóm 3: Công chức, viên chức không giữ chức vụ (chuyên viên, cán sự, nhân viên, người lao động).

Tỷ lệ nhóm 1 và nhóm 2 không quá 40% trong tổng số cá nhân được đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố công nhận.

Riêng ngành giáo dục Tỷ lệ xét công chức giữ chức vụ lãnh đạo các trường (Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng) không quá 40% trong tổng số lãnh đạo được đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố công nhận.

Chương IV

NHỮNG TRƯỜNG HỢP KHÔNG XÉT THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 14. Những trường hợp không xét thi đua, khen thưởng

1. Đối với tập thể

- a. Không đăng ký phong trào thi đua và nội dung, chỉ tiêu thi đua
- b. Đảng bộ, chi bộ, công đoàn cơ sở, tổ công đoàn, chi đoàn xếp loại yếu kém.
- c. Đề xảy ra điểm nóng ảnh hưởng đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.
- d. Vi phạm quy chế dân chủ ở cơ sở; nội bộ mất đoàn kết (Căn cứ kết luận của cơ quan có thẩm quyền).
- e. Đề xảy ra tham nhũng, lãng phí gây thiệt hại, thất thoát tài sản của Nhà nước.
- f. Cơ quan đơn vị mới thành lập, thời gian hoạt động dưới 12 tháng.
- g. Chưa xét thi đua đối với những đơn vị có dấu hiệu sai phạm đang chờ cơ quan có thẩm quyền kết luận.
- h. Đơn vị, địa phương có lãnh đạo chủ chốt bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên thì không xét khen thưởng cho tập thể đơn vị.

2. Đối với cá nhân

- a. Công chức, viên chức bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên, không đăng ký thi đua hoặc mới tuyển dụng dưới 10 tháng.
- b. Nghỉ việc từ 40 ngày làm việc trở lên (trừ đối tượng nghỉ thai sản theo chế độ quy định của Nhà nước và những người có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản...).

c. Vi phạm quy định về bảo vệ bí mật Nhà nước theo quy định của Pháp luật hoặc bị xử phạt hành chính.

d. Báo cáo thành tích không thể hiện rõ thành tích đạt được, không đầy đủ các nội dung theo quy định.

Điều 15. Xét khen thưởng đối với những trường hợp được cử đi đào tạo, bồi dưỡng, chuyển chuyên công tác

1. Các trường hợp đi học, bồi dưỡng ngắn hạn dưới 01 năm, nếu đạt kết quả học tập từ loại khá trở lên, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng (có giấy xác nhận) thì kết hợp với thời gian công tác cơ quan, đơn vị để Hội đồng Thi đua – Khen thưởng cơ quan, đơn vị bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

2. Các trường hợp đi đào tạo từ 01 năm trở lên có giấy xác nhận kết quả học tập từ loại khá trở lên thì năm đó được xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”, để làm căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua, khen thưởng khác.

3. Đối với cá nhân chuyển chuyên công tác thì đơn vị mới có trách nhiệm xem xét, bình bầu danh hiệu “Lao động tiên tiến” trên cơ sở có ý kiến nhận xét của đơn vị cũ (đối với trường hợp có thời gian công tác ở đơn vị cũ từ 6 tháng trở lên).

Chương V

HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG, HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ ÁP DỤNG VÀ PHẠM VI ẢNH HƯỞNG CỦA SÁNG KIẾN, ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CÁC CẤP

Điều 16. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thành phố

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thành phố là cơ quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố về công tác thi đua, khen thưởng của thành phố.

Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thành phố do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định thành lập.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 63 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng.

3. Phòng Nội vụ thành phố là Cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thành phố.

Điều 17. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp phường

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp phường do Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường quyết định thành lập và ban hành quy chế hoạt động.

2. Thành phần Hội đồng Thi đua - Khen thưởng gồm:

a. Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân.

b. Căn cứ tình hình thực tế đơn vị quyết định thành phần, số lượng thành viên Hội đồng. Trong đó, Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch UBND, đại diện Mặt trận Tổ quốc, tổ chức Công đoàn, các thành viên khác do Chủ tịch UBND quyết định.

3. Nhiệm vụ của Hội đồng:

a) Tham mưu, giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường tổ chức phát động các phong trào thi đua theo thẩm quyền.

b) Theo dõi, phát hiện, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu trong phong trào thi đua để tuyên truyền, nhân rộng các điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt và đề nghị các cấp khen thưởng theo quy định.

c) Tham mưu, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường quyết định tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

Điều 18. Hội đồng đánh giá hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học các cấp

1. Hội đồng đánh giá hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học các cấp do người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương quyết định thành lập.

2. Hội đồng đánh giá hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học các cấp có nhiệm vụ tham mưu giúp người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương xem xét và công nhận hiệu quả áp dụng thực tiễn và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

Chương VI

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH, TRAO TẶNG, THỦ TỤC, HỒ SƠ XÉT ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN DANH HIỆU THI ĐUA VÀ KHEN THƯỞNG

Điều 19. Thẩm quyền quyết định công nhận danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định tặng Giấy khen, công nhận danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Tập thể lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường quyết định tặng Giấy khen, công nhận danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

Điều 20. Trao tặng và đón nhận các hình thức khen thưởng

1. Việc công bố, trao tặng và đón nhận các hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua thực hiện theo quy định tại Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định về tổ chức ngày kỷ niệm; nghi thức trao tặng, đón nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua; nghi lễ đối ngoại và đón, tiếp khách nước ngoài và Nghị định số 111/2018/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ quy định về ngày thành lập, ngày truyền thống, ngày hưởng ứng của các bộ, ngành, địa phương.

2. Việc trao tặng được tổ chức vào dịp ngày lễ lớn của thành phố, của đất nước, ngày truyền thống của ngành, ngày thành lập, ngày sơ kết, tổng kết phong trào thi đua, tổng kết ngành của cơ quan, đơn vị, địa phương.

Đối với các trường hợp khen thưởng thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất được tặng Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, Thường trực Hội đồng Thi đua – Khen thưởng thành phố phối hợp với đơn vị đề nghị khen thưởng để tổ chức trao tặng trang trọng, ý nghĩa.

Điều 21. Tuyến trình khen thưởng

Tuyến trình khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 46 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ và một số quy định cụ thể sau:

1. Cấp nào, cơ quan nào quản lý về tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và quỹ lương, cơ quan đó xét, công nhận các danh hiệu thi đua và quyết định khen thưởng, trao thưởng các hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền hoặc đề nghị cấp trên xét, công nhận các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng cho các tập thể, cá nhân thuộc phạm vi quản lý.

2. Tập thể, cá nhân làm chuyên trách công tác đảng, đoàn thể thuộc cấp huyện do cơ quan đảng, đoàn thể trực tiếp quản lý xét, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng theo thẩm quyền.

3. Chủ tịch Liên đoàn Lao động thành phố khen thưởng đề nghị Liên đoàn Lao động tỉnh đề nghị Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng đối với công đoàn cơ sở và cán bộ công đoàn chuyên trách hưởng lương từ ngân sách công đoàn thuộc các đơn vị trên.

4. Đối với các đơn vị thuộc ngành dọc đóng trên địa bàn thành phố do tỉnh, bộ, ngành Trung ương quản lý về tổ chức, biên chế thì do cơ quan cấp trên của các đơn vị đó xét công nhận danh hiệu thi đua và đề nghị khen thưởng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố chỉ xem xét khen thưởng chuyên đề, đột xuất về thành tích tham gia phong trào thi đua do thành phố phát động và khen thưởng cho một số tập thể và cá nhân tiêu biểu, xuất sắc, có nhiều đóng góp cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của thành phố.

5. Các tập thể, cá nhân thuộc các bộ, ngành Trung ương; các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu, tập đoàn kinh tế... do Trung ương thành lập và quản lý,

có nhiều đóng góp cho đơn vị, địa phương thì lãnh đạo đơn vị trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định khen thưởng hoặc có văn bản nhận xét đề nghị cơ quan quản lý trực tiếp của tổ chức, cá nhân đó khen thưởng.

Điều 22. Thẩm quyền xét duyệt, cho ý kiến hồ sơ khen thưởng

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thành phố

a. Thẩm định hồ sơ, tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định tặng thưởng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng: Cờ thi đua, Huy hiệu, Bức trướng của Ủy ban nhân dân tỉnh, danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” và Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

b. Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố các trường hợp công nhận danh hiệu thi đua “Tập thể Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Lao động tiên tiến” và tặng giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố đối với khen thưởng tổng kết năm.

2. Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thành phố (Phòng Nội vụ thành phố):

a. Thẩm định hồ sơ, tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định tặng Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố đối với các tập thể, cá nhân đạt thành tích trong đợt thi đua, chuyên đề, phong trào, đột xuất do thành phố phát động và khen thưởng cho một số cá nhân thật sự tiêu biểu, xuất sắc có nhiều đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh thành phố.

b. Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố công nhận danh hiệu thi đua “Tập thể Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Lao động tiên tiến” và tặng giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố đối với khen thưởng tổng kết năm học ngành giáo dục.

c. Hiệp ý các trường hợp tập thể, cá nhân thuộc các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể thành phố và các phường đề nghị bộ, ngành, đoàn thể Trung ương khen thưởng.

đ. Thẩm định hồ sơ, tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố trình cấp có thẩm quyền xem xét khen thưởng Đối với các cơ quan ban, ngành, đoàn thể thành phố và các phường có phân chia cụm, khối thi đua.

Điều 23. Thủ tục, hồ sơ khen thưởng

1. Đối với khen thưởng phong trào hay chuyên đề: 01 bộ hồ sơ (bản chính)

- Tờ trình đề nghị khen thưởng của cơ quan, đơn vị.

- Biên bản họp của cơ quan, đơn vị hoặc Hội đồng Thi đua – Khen thưởng cấp phường. Phải có ý kiến đồng ý bằng văn bản của Trưởng ban Chỉ đạo, Chủ tịch Hội

đồng hoặc Chủ tịch, phó Chủ tịch UBND thành phố phụ trách khối (trong trường hợp không tham dự họp xét).

- Danh sách đề nghị khen thưởng.

- Báo cáo thành tích hoặc tóm tắt thành tích của Tập thể và cá nhân đề nghị khen thưởng (có xác nhận của Thủ trưởng đơn vị đang công tác hoặc đơn vị đề nghị). 01 bản

2. Đối với khen thưởng đột xuất: 01 bộ hồ sơ (bản chính)

- Tờ trình đề nghị khen thưởng; Biên bản họp của cơ quan, đơn vị hoặc Hội đồng Thi đua – Khen thưởng cấp phường; Báo cáo thành tích phải ghi rõ thành tích, công trạng được đề nghị khen thưởng.

3. Đối với khen thưởng tổng kết năm: 01 bộ hồ sơ (bản chính)

- Tờ trình đề nghị khen thưởng của cơ quan, đơn vị; Biên bản họp của cơ quan, đơn vị hoặc Hội đồng Thi đua – Khen thưởng cấp phường; Danh sách đề nghị;

- Báo cáo thành tích của tập thể và cá nhân đề nghị (cấp thành phố 01 bản; cấp tỉnh: 02 bản; cấp Trung ương 08 bản)

4. Đối với khen thưởng công hiến: 01 bộ hồ sơ (bản chính)

Tờ trình đề nghị của đơn vị; Biên bản họp của cơ quan, đơn vị hoặc Hội đồng Thi đua – Khen thưởng cấp phường; Tóm tắt quá trình công tác, thành tích đạt được của cá nhân; Bản sao thông báo hoặc Quyết định nghỉ hưu của cá nhân.

5. Đối với khen thưởng tổng kết cụm, khối thi đua: 02 bộ hồ sơ (bản chính)

- Tờ trình và danh sách đề nghị của cụm trưởng, khối trưởng khối thi đua trên địa bàn thành phố Thủ Dầu Một.

- Biên bản họp của cụm trưởng, khối trưởng có ghi kết quả xếp hạng thi đua; Bảng tổng hợp điểm của cụm, khối thi đua.

Điều 24. Quản lý lưu trữ hồ sơ khen thưởng

1. Các cơ quan, đơn vị, địa phương, thường trực Hội đồng Thi đua – Khen thưởng thành phố (phòng Nội vụ) có trách nhiệm quản lý, lưu trữ hồ sơ khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương để thuận tiện cho việc tra cứu, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo hoặc xác nhận khen thưởng khi đối tượng yêu cầu.

2. Công tác lưu trữ bảo quản hồ sơ thực hiện theo quy định của Luật Lưu trữ.

Điều 25. Quy định thời gian gửi hồ sơ đề nghị khen thưởng

1. Đối với khen thưởng tổng kết công tác hàng năm: Hồ sơ đề nghị họp lệ gửi về thường trực Hội đồng Thi đua – Khen thưởng thành phố (phòng Nội vụ) trước ngày 15 tháng 12 hàng năm.

2. Đối với khen thưởng tổng kết năm học của ngành giáo dục: Hồ sơ đề nghị hợp lệ gửi về thường trực Hội đồng Thi đua – Khen thưởng thành phố (phòng Nội vụ) trước ngày 30 tháng 07 hàng năm.

3. Đối với khen thưởng phong trào hay chuyên đề: Thời gian giải quyết là 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định; trường hợp cần thẩm định, lấy ý kiến thì thời hạn giải quyết không quá 20 ngày.

4. Đối với khen thưởng đột xuất: Hồ sơ đề nghị hợp lệ gửi về thường trực Hội đồng Thi đua – Khen thưởng thành phố (phòng Nội vụ) trước ngày dự kiến trao thưởng ít nhất 02 ngày làm việc (không tính thời gian trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định).

Chương VII

QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG; MỨC TRÍCH VÀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 26. Nguồn và mức trích Quỹ thi đua, khen thưởng

1. Quỹ thi đua, khen thưởng của thành phố do Phòng Nội vụ thành phố Thủ Dầu Một quản lý; quỹ thi đua, khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương do thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương quản lý.

Quỹ thi đua, khen thưởng cấp phường được hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước hàng năm, từ nguồn đóng góp của các cá nhân, tổ chức cho mục đích thi đua, khen thưởng và các nguồn thu hợp pháp khác (nếu có).

2. Mức trích quỹ thi đua, khen thưởng:

Quỹ thi đua, khen thưởng cấp thành phố: Ủy ban nhân dân các cấp trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định tỷ lệ trích Quỹ thi đua, khen thưởng trong dự toán ngân sách hàng năm. Mức trích tối đa từ nguồn ngân sách nhà nước bằng 1% (một phần trăm) chi ngân sách thường xuyên do địa phương quản lý (trừ kinh phí xây dựng cơ bản và các khoản khác theo quy định).

c) Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập:

- Các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động thường xuyên: Quỹ thi đua, khen thưởng được trích lập theo chế độ tài chính áp dụng cho đơn vị sự nghiệp và từ các khoản đóng góp của các tổ chức, cá nhân cho mục đích thi đua, khen thưởng (nếu có);

- Các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi phí hoạt động thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động thường xuyên: Quỹ thi đua, khen thưởng được trích từ nguồn dự toán chi ngân sách nhà nước do cơ quan chủ quản cấp trên giao; từ phần chênh

lệch thu lớn hơn chi và từ các khoản đóng góp của các tổ chức, cá nhân cho mục đích khen thưởng (nếu có). Mức trích tối đa bằng 20% tổng quỹ tiền lương theo ngạch, bậc của công chức, viên chức trong biên chế, hợp đồng lao động.

Điều 27. Nội dung chi thi đua, khen thưởng

1. Chi cho in giấy chứng nhận, huy hiệu, cờ thi đua, giấy khen, bằng khen, làm huy hiệu Chiến sĩ thi đua, khung khen.

2. Chi tiền thưởng hoặc tặng phẩm lưu niệm cho các tập thể, cá nhân.

3. Chi cho công tác tổ chức, chỉ đạo các phong trào thi đua: Mức trích không quá 20% trong tổng Quỹ thi đua, khen thưởng của cấp thành phố để chi cho các nhiệm vụ sau:

a) Chi tổ chức các cuộc họp của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, Hội đồng đánh giá hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học cấp thành phố.

b) Chi xây dựng, tổ chức và triển khai các phong trào thi đua; chi tập huấn nghiệp vụ thi đua, khen thưởng; chi tổ chức hội nghị ký kết giao ước thi đua; hội nghị sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua, hội nghị biểu dương điển hình tiên tiến; tuyên truyền, phổ biến, nhân rộng các gương điển hình tiên tiến.

c) Chi phát động các phong trào thi đua, khen thưởng theo đợt, chuyên đề, thường xuyên, cao điểm trong phạm vi địa phương; các hoạt động thi đua, khen thưởng cụm, khối; chi kiểm tra, chỉ đạo, giám sát việc thực hiện phong trào thi đua và công tác khen thưởng.

d) Một số khoản chi khác phục vụ trực tiếp cho công tác tổ chức, chỉ đạo phong trào thi đua.

Điều 28. Nguyên tắc quản lý, sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng

1. Thủ trưởng cơ quan cấp nào quyết định khen thưởng thì cấp đó chịu trách nhiệm chi tiền thưởng từ nguồn tiền thưởng do cấp mình quản lý. Quỹ thi đua, khen thưởng phải được sử dụng đúng mục đích, công khai, minh bạch. Việc quyết toán căn cứ số chi thực tế theo đúng đối tượng và mức thưởng theo quy định.

2. Tiền thưởng kèm theo các quyết định khen thưởng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố được chi từ Quỹ thi đua, khen thưởng của thành phố.

3. Đối với tập thể, cá nhân được tặng giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố kèm theo tặng phẩm lưu niệm có giá trị tương đương mức tiền thưởng tương ứng theo quy định của pháp luật; trường hợp đặc biệt, tặng phẩm lưu niệm có giá trị cao hơn sẽ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định.

4. Các trường hợp khen thưởng đột xuất: gương người tốt, việc tốt, cá nhân có hành động dũng cảm hoặc đạt giải cao trong các hội thi, hội diễn... tùy theo thành tích và phạm vi tác dụng nêu gương để khen thưởng động viên, khuyến khích, mức

thưởng cho từng trường hợp cụ thể do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định căn cứ Quỹ thi đua, khen thưởng.

Điều 29. Mức chi tiền thưởng

1. Cách tính tiền thưởng:

a) Tiền thưởng cho tập thể, cá nhân được khen thưởng được tính trên mức lương cơ sở do Chính phủ quy định đang có hiệu lực vào thời điểm ban hành quyết định công nhận các danh hiệu thi đua hoặc quyết định khen thưởng.

b) Tiền thưởng sau khi nhân với hệ số mức lương tối thiểu chung được làm tròn số lên hàng chục ngàn đồng tiền Việt Nam.

2. Mức tiền thưởng kèm theo các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Chương VIII

KIỂM TRA, XỬ LÝ VI PHẠM VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VỀ CÔNG TÁC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 30. Kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng

1. Thường trực Hội đồng Thi đua – Khen thưởng thành phố (phòng Nội vụ) có trách nhiệm tham mưu Hội đồng Thi đua – Khen thưởng thành phố tổ chức kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng trên phạm vi toàn thành.

2. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có trách nhiệm kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng tại cơ quan, đơn vị, địa phương do mình quản lý.

3. Trưởng cụm, khối thi đua có trách nhiệm kiểm tra phong trào thi đua của cụm, khối theo giao ước thi đua đã ký kết.

Điều 31. Trách nhiệm trong việc kê khai và xác nhận thành tích

1. Trách nhiệm của cá nhân: Cá nhân được đề nghị khen thưởng chịu trách nhiệm về tính chính xác trong việc kê khai, báo cáo thành tích đề nghị các cấp xét khen thưởng.

2. Trách nhiệm của thủ trưởng cơ quan, đơn vị: Chịu trách nhiệm kiểm tra, thẩm định tính chính xác của hồ sơ đề nghị xét khen thưởng cho tập thể, cá nhân của cơ quan, đơn vị mình trước khi đề nghị cấp trên khen thưởng.

3. Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thành phố lấy ý kiến nhân dân trên Trang thông tin điện tử của thành phố đối với những trường hợp đề nghị khen thưởng Huân chương các loại, danh hiệu vinh dự nhà nước, Giải thưởng Hồ

Chí Minh, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” trong thời hạn 10 ngày làm việc (trừ trường hợp có thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất).

Điều 32. Xử lý vi phạm

1. Cá nhân, tập thể được khen thưởng và cá nhân có thẩm quyền quyết định khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng, có hành vi vi phạm trong quá trình kê khai, thực hiện thủ tục và quyết định khen thưởng thì sẽ bị xử lý theo quy định tại Điều 96, Điều 97, Điều 98 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013.

2. Trường hợp phát hiện tập thể, cá nhân có hành vi vi phạm, Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thành phố (phòng Nội vụ), bộ phận làm công tác thi đua, khen thưởng của các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm lập thủ tục đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố hủy bỏ quyết định khen thưởng, thu hồi hiện vật khen thưởng và chế độ được hưởng; tùy theo tính chất, mức độ vi phạm đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

3. Cá nhân được tặng thưởng danh hiệu vinh dự Nhà nước mà vi phạm pháp luật hình sự, bị tòa án xét xử bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật và bị tuyên án tù hình thức phạt tù có thời hạn trở lên thì Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thành phố (phòng Nội vụ), có trách nhiệm lập thủ tục trình Ủy ban nhân dân thành phố đề nghị cấp có thẩm quyền tước danh hiệu vinh dự Nhà nước.

4. Trường hợp bị xét xử oan, sai được cơ quan nhà nước có thẩm quyền minh oan, sửa sai thì cá nhân được phục hồi và trao lại danh hiệu đã bị tước.

Điều 33. Khiếu nại, tố cáo

1. Cá nhân, tổ chức có quyền khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng thuộc thẩm quyền của mình theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

3. Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thành phố (phòng Nội vụ), có trách nhiệm tiếp nhận, phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra, xác minh, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

4. Bộ phận làm công tác thi đua, khen thưởng của các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm tham mưu cho Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp nhận và giải quyết các khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng thuộc thẩm quyền của cơ quan, đơn vị, địa phương.

Điều 34. Tổ chức thực hiện

Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy định này; căn cứ Luật thi đua, khen thưởng, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật thi đua, khen thưởng và Quy định này để xây dựng quy định về công tác thi đua, khen thưởng và tiêu chí đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ cho các tập thể thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, địa phương, đơn vị phù hợp với tình hình thực tế.

Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương có ý kiến bằng văn bản gửi về Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thành phố (phòng Nội vụ), đề tổng hợp và trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quy định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Lộc Hà

4000